

Số: **357/QĐ-UBND**

Quảng Ngãi, ngày **10** tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thống nhất hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể
tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện các công trình,
dự án trên địa bàn tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật
sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

*Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ
Quy định về giá đất;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ
trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết phương pháp định giá
đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định
giá đất;*

*Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 11/2020/QĐ-UBND ngày
08/6/2020 Ban hành Quy định về Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh
Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2020 – 2024); số 55/2022/QĐ-
UBND ngày 31/12/2022 sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất ở trên địa bàn tỉnh
Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2020 - 2024) kèm theo Quyết định
số 11/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020, Quyết định 64/2021/QĐ-UBND ngày
18/11/2021 và Quyết định 47/2022/QĐ-UBND ngày 07/12/2022 của UBND
tỉnh;*

*Theo đề nghị của UBND các huyện: Bình Sơn, Trà Bông, Ba Tơ, Tư
Nghĩa và thành phố Quảng Ngãi; kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm
định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh; đề xuất của Giám đốc Sở Tài nguyên và
Môi trường tại Tờ trình số 2054/TTr-STNMT ngày 26/4/2023; Thông báo số
159/TB-UBND ngày 27/3/2023 của UBND tỉnh và ý kiến thống nhất của
Thành viên UBND tỉnh.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thống nhất hệ số điều chỉnh giá đất thực hiện trong năm 2023
để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực
hiện các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch sử dụng đất được
duyet (Chi tiết theo 10 Phụ lục đính kèm)

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh và UBND các huyện: Bình Sơn, Trà Bồng, Ba Tơ, Tư Nghĩa và thành phố Quảng Ngãi chịu hoàn toàn trách nhiệm về kết quả xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định của pháp luật, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện: Trà Bồng, Bình Sơn, Ba Tơ, Tư Nghĩa và thành phố Quảng Ngãi; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, P.KTN, CBTH;
- Lưu: VT, P.KTTH Tien163.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



**KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Phiên

Phụ lục số 01
Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi
Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Đường vành đai Tây Bắc thị trấn
Châu Ổ, đoạn qua xã Bình Trung, huyện Bình Sơn
(Kèm theo Quyết định số ~~257~~ /QĐ-UBND ngày ~~10~~ /5/2023 của UBND tỉnh)

* Theo đề nghị tại:

- Công văn số 906/UBND-TNMT ngày 03/4/2023 của UBND huyện Bình Sơn;

- Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh tại Thông báo số 158/TB-HĐTĐGD ngày 20/4/2023;

- Tờ trình số 2054/TTr-STNMT ngày 26/4/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
I	Đất nông nghiệp	
1	Đất trồng cây hàng năm khác thuộc vị trí 1	1,00
II	Đất ở tại nông thôn	
1	Đất ở thuộc vị trí 6, khu vực 1	1,00
2	Đất ở thuộc vị trí 2, khu vực 3	1,00
3	Đất ở thuộc vị trí 5, khu vực 3	1,00



Phụ lục số 02
Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi
Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Mở rộng Nhà máy Bột -
Giấy VNT19, tại xã Bình Phước, huyện Bình Sơn
(Kèm theo Quyết định số 357/QĐ-UBND ngày 10/5/2023 của UBND tỉnh)

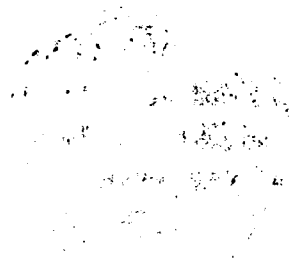
* Theo đề nghị tại:

- Công văn số 990/UBND-TNMT ngày 07/4/2023 của UBND huyện Bình Sơn;

- Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh tại Thông báo số 166/TB-HĐTĐGD ngày 20/4/2023;

- Tờ trình số 2054/TTr-STNMT ngày 26/4/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
	Đất nông nghiệp	
1	Đất trồng cây hàng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác) thuộc vị trí 1	1,00
2	Đất trồng cây lâu năm thuộc vị trí 1	1,00
3	Đất rừng sản xuất thuộc vị trí 1	1,00



Phụ lục số 03
Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi
Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Tuyến đường vào và hạ tầng
CCN thị trấn Trà Xuân, huyện Trà Bồng
(Kèm theo Quyết định số ~~357~~ 10 /QĐ-UBND ngày 10 /5/2023 của UBND tỉnh)

* Theo đề nghị tại:

- Tờ trình số 34/TTr-UBND ngày 30/3/2023 của UBND huyện Trà Bồng;

- Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh tại Thông báo số 167/TB-HĐTĐGD ngày 20/4/2023;

- Tờ trình số 2054/TTr-STNMT ngày 26/4/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
I	Đất nông nghiệp	
1	Đất trồng cây hàng năm khác thuộc vị trí 1	1,00
2	Đất trồng cây hàng năm khác thuộc vị trí 2	1,00
3	Đất trồng lúa thuộc vị trí 1	1,00
4	Đất trồng cây lâu năm thuộc vị trí 2	1,00
II	Đất ở tại đô thị	
1	Đất ở thuộc vị trí 2, đường loại 1	1,00
2	Đất ở thuộc vị trí 3, đường loại 1	1,00
3	Đất ở thuộc vị trí 3, đường loại 3	1,00
4	Đất ở thuộc vị trí 4, đường loại 3	1,00



**Phụ lục số 04**
Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường
khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Cầu vượt lũ suối Nước Léch,
xã Ba Lế, Địa điểm xây dựng: Xã Ba Lế, huyện Ba Tơ
(Kèm theo Quyết định số ~~357~~ /QĐ-UBND ngày 10 /5/2023 của UBND tỉnh)

* Theo đề nghị tại:

- Tờ trình số 36/TTr-UBND ngày 03/4/2023 của UBND huyện Ba Tơ;
- Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh tại Thông báo số 162/TB-HĐTĐGD ngày 20/4/2023;
- Tờ trình số 2054/TTr-STNMT ngày 26/4/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
	* Đối với đất nông nghiệp:	
1	Đất trồng cây lâu năm (CLN) thuộc vị trí 3	1,00
2	Đất rừng sản xuất (RSX) thuộc vị trí 2	1,00

Phụ lục số 05
Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường
khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Khu tái định cư tập trung
tại thôn Trà Nô, xã Ba Nô, huyện Ba Tơ
(Kèm theo Quyết định số ~~357~~ /QĐ-UBND ngày 10 /5/2023 của UBND tỉnh)

* Theo đề nghị tại:

- Tờ trình số 35/TTr-UBND ngày 03/4/2023 của UBND huyện Ba Tơ;
- Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh tại Thông báo số 161/TB-HĐTĐGD ngày 20/4/2023;
- Tờ trình số 2054/TTr-STNMT ngày 26/4/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
	* Đối với đất nông nghiệp:	
1	Đất trồng cây lâu năm (CLN) thuộc vị trí 2	1,00
2	Đất rừng sản xuất (RSX) thuộc vị trí 1	1,00

Phụ lục số 06

Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Trạm biến áp 110kV Mỹ Khê và đầu nối, tại các xã: Tịnh Thiện, Tịnh Châu, Tịnh Ấn Đông, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Quyết định số 357/QĐ-UBND ngày 10 /5/2023 của UBND tỉnh)

* Theo đề nghị tại:

- Công văn số 1123/UBND-XD ngày 06/4/2023 của UBND thành phố Quảng Ngãi;

- Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh tại Thông báo số 159/TB-HĐTĐGD ngày 20/4/2023;

- Tờ trình số 2054/TTr-STNMT ngày 26/4/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
I	Xã Tịnh Thiện	
1	Đối với đất nông nghiệp:	
1.1	Đất trồng cây hàng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác) thuộc vị trí 1	1,00
1.2	Đất rừng sản xuất thuộc vị trí 1	1,00
II	Xã Tịnh Châu	
1	Đối với đất nông nghiệp:	
1.1	Đất trồng cây hàng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác) thuộc vị trí 1	1,00
III	Xã Tịnh Ấn Đông	
1	Đối với đất nông nghiệp:	
1.1	Đất trồng cây hàng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác) thuộc vị trí 1	1,00
1.2	Đất trồng cây lâu năm thuộc vị trí 1	1,00



Phụ lục số 07

Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Cầu và đường nối từ trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh đến huyện Tư Nghĩa (cầu Trà Khúc 3), tại xã Nghĩa Thuận, huyện Tư Nghĩa

(Kèm theo Quyết định số ~~357~~ /QĐ-UBND ngày ~~10~~ /5/2023 của UBND tỉnh)

* Theo đề nghị tại:

- Tờ trình số 87/TTr-UBND ngày 06/4/2023 của UBND huyện Tư Nghĩa;

- Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh tại Thông báo số 165/TB-HĐTĐGD ngày 20/4/2023;

- Tờ trình số 2054/TTr-STNMT ngày 26/4/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
	* Đối với đất nông nghiệp:	
1	Đất trồng cây hàng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác) thuộc vị trí 1	1,00
	* Đối với đất ở tại nông thôn:	
2	Đất ở thuộc vị trí 5, khu vực 3	1,00
	* Đối với đất sản xuất kinh doanh:	
3	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC) thuộc vị trí 6, khu vực 3	1,00



Phụ lục số 08
Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi
Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Đường Nghĩa Hoà - Nghĩa Thương
(giai đoạn 2), đoạn qua xã Nghĩa Hoà, huyện Tư Nghĩa
(Kèm theo Quyết định số ~~357~~ /QĐ-UBND ngày 10 /5/2023 của UBND tỉnh)

* Theo đề nghị tại:

- Tờ trình số 89/TTr-UBND ngày 06/4/2023 của UBND huyện Tư Nghĩa;

- Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh tại Thông báo số 160/TB-HĐTĐGD ngày 20/4/2023;

- Tờ trình số 2054/TTr-STNMT ngày 26/4/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
	* Đất ở tại nông thôn:	
1	Đất ở thuộc vị trí 3, khu vực 3	1,00



Phụ lục số 09

Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Khu dân cư phía Đông đường trục chính phía Tây trung tâm thị trấn Sông Vệ, tại thị trấn Sông Vệ, huyện Tư Nghĩa

(Kèm theo Quyết định số ~~357~~ /QĐ-UBND ngày 10/5/2023 của UBND tỉnh)

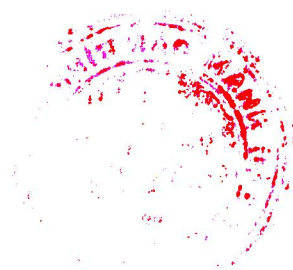
* Theo đề nghị tại:

- Tờ trình số 88/TTr-UBND ngày 06/4/2023 của UBND huyện Tư Nghĩa;

- Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh tại Thông báo số 163/TB-HĐTĐGD ngày 20/4/2023;

- Tờ trình số 2054/TTr-STNMT ngày 26/4/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
	* Đối với đất nông nghiệp:	
1	Đất trồng cây hàng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác) thuộc vị trí 1	1,00
	* Đối với đất ở tại đô thị:	
2	Đất ở thuộc vị trí 1, đường loại 1	1,00
3	Đất ở thuộc vị trí 4, đường loại 3	1,00
4	Đất ở thuộc vị trí 6, đường loại 3	1,00



 Phụ lục số 10
Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Khu dân cư, công viên, hồ điều hoà và quảng trường huyện Tư Nghĩa, tại thị trấn La Hà, huyện Tư Nghĩa
(Kèm theo Quyết định số 257/QĐ-UBND ngày 10/5/2023 của UBND tỉnh)

* Theo đề nghị tại:

- Tờ trình số 86/TTr-UBND ngày 06/4/2023 của UBND huyện Tư Nghĩa;

- Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh tại Thông báo số 164/TB-HĐTĐGD ngày 20/4/2023;

- Tờ trình số 2054/TTr-STNMT ngày 26/4/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
	* Đất nông nghiệp:	
1	Đất trồng lúa thuộc vị trí 1	1,00